

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/KDTM-ST
Ngày 16-8-2024
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Minh Sơn;
- Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng D - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 (Công ty TNHH MTV T1);

Địa chỉ: Số C N, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T; chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hoàng S là nhân viên Công ty TNHH MTV T1 - VT Nguyễn Trình tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 3 năm 2024 (có mặt).

- Công ty TNHH một thành viên G - Cầu kiện bê tông Nguyễn T (Công ty TNHH MTV G - Cầu kiện bê tông Nguyễn T);

Địa chỉ: Lô E, đường số F, Khu công nghiệp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T; chức danh: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hoàng S là nhân viên Công ty TNHH MTV G - Cầu kiện bê tông Nguyễn T tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 3 năm 2024 (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH S1 (Công ty TNHH S1);

Địa chỉ: Số A T, Khu dân cư H, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Mạnh Đ; chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Trương Hoàng S là người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 (sau đây gọi tắt là Công ty TNHH MTV T1) và Công ty TNHH S1 (sau đây gọi tắt là Công ty TNHH S1) có ký kết Hợp đồng mua bán số 173/NT-MTX/HĐMB-2020 ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc cung cấp, lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời (H lưới 1.250 KWP, 3 Pha).

Dự án được Công ty Đ2 nghiệm thu, cài đặt công tơ hai chiều và ký hợp đồng bán điện mặt trời mái nhà vào ngày 28 tháng 12 năm 2020.

Trong quá trình vận tải có lỗi hệ thống, Công ty TNHH MTV T1 có tiền hành liên hệ với Công ty TNHH S1 để xử lý, khắc phục nhưng thời gian rất chậm, gây thiệt hại cho Công ty TNHH MTV T1.

Đến ngày 16 tháng 5 năm 2023 xảy ra sự cố chập điện tại dự án nêu trên dẫn đến hư hỏng 05 biến tần SUNGROW SG110CX, dây cáp, máng cáp... và các phụ kiện. Công ty TNHH MTV T1 đã cắt điện toàn bộ khu vực sản xuất để tiến hành khắc phục tạm thời. Đồng thời Công ty TNHH MTV T1 lập tức liên hệ Công ty TNHH S1 cử người đại diện có mặt tại dự án để xử lý và khắc phục nhằm tránh phát sinh thêm thiệt hại nhưng phía Công ty TNHH S1 vẫn không có mặt để xử lý mặc dù Công ty TNHH MTV T1 đã liên hệ qua điện thoại rất nhiều lần.

Đến ngày 13 tháng 7 năm 2023, ông Nguyễn Văn Đ1 đại diện cho Công ty TNHH S1 đến làm việc (hai bên có tiến hành lập biên bản) và cam kết sẽ kiểm tra, khắc phục trong vòng 10 ngày nhằm tránh xảy ra thiệt hại cho Công ty TNHH MTV T1 nhưng vẫn không thực hiện theo đúng lời hứa được ghi trong biên bản làm việc.

Qua nhiều lần liên hệ, Công ty TNHH S1 và đơn vị bảo hành lần lượt vào các ngày 25 tháng 8 năm 2023 và ngày 04 tháng 9 năm 2023, Công ty TNHH MTV T1 đã gửi 05 biến tần SUNGROW SG110CX để được bảo hành.

Đến ngày 03 tháng 11 năm 2023 đã bảo hành được 03/05 biến tần SG110CX: A20B2503134, A2011132194, A2011124256 và đã gửi về đơn vị. Biến tần SG110CX A2011092908 hãng có gửi file thông báo chi phí sửa chữa là 27.170.500 đồng (qua trao đổi thì phía ông Đ1 đại diện Công ty TNHH S1 chịu

trách nhiệm chi trả) và 01 biến tần còn lại SG110CX A20B2502732 hãng báo bị hỏng nặng, hầu hết các board bị hư, chi phí thay board gần bằng inverter mới nên hãng đề nghị thay thế biến tần khác cho hệ thống ổn định và an toàn.

Trước tình hình nêu trên, Công ty TNHH MTV T1 đã tạm ứng kinh phí để khắc phục sửa chữa nhằm đưa dự án vào hoạt động, hạn chế những thiệt hại do sự cố chập điện gây ra. Đồng thời, phía Công ty TNHH MTV T1 tiếp tục liên hệ Công ty TNHH S1 nhanh chóng khắc phục, cử cán bộ kỹ thuật xuống kiểm tra và đưa ra mức đền bù thiệt hại nhưng đến nay vẫn không trả lời và chưa thực hiện.

Nay Công ty TNHH MTV T1 yêu cầu Công ty TNHH S1 đền bù thiệt hại như sau:

- Chi phí thiệt hại sản lượng điện: 27.786.757 đồng.
- 01 biến tần SUNGROW SG110CX tương đương 100.000.000 đồng.
- Chi phí mua và thay thế: Dây CXV300mm² (0.6/1kW) - Cadivi và dây H1Z2Z2-K-6mm² - 1.5kV DC - Cadivi: 210.197.799 đồng.
- Chi phí nhân công: 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền phải đền bù là: 387.984.556 đồng và đồng thời phải trả lãi quy định từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 cho đến khi trả hết số tiền đền bù trên.

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Trương Hoàng S là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH một thành viên Gạch ngói - Cầu kiện bê tông Nguyễn T trình bày: Công ty TNHH một thành viên Gạch ngói - Cầu kiện bê tông Nguyễn T (sau đây gọi tắt là Công ty TNHH MTV G) và Công ty TNHH S1 (sau đây gọi tắt là Công ty TNHH S1) có ký kết Hợp đồng mua bán số 172/NT-MTX/HĐMB-2020 ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc cung cấp, lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời (H lưới 1.250 KWP, 3 Pha).

Dự án được Công ty Đ2 nghiệm thu, cài đặt công tơ hai chiều và ký hợp đồng bán điện mặt trời mái nhà vào ngày 28 tháng 12 năm 2020.

Trong quá trình vận tải có lỗi hệ thống, Công ty TNHH MTV G có tiến hành liên hệ với Công ty TNHH S1 để xử lý, khắc phục nhưng thời gian rất chậm, gây thiệt hại cho Công ty TNHH MTV G.

Đến ngày 16 tháng 5 năm 2023 xảy ra sự cố chập điện tại hai dự án nêu trên dẫn đến hư hỏng 05 biến tần SUNGROW SG110CX, dây cáp, máng cáp... và các phụ kiện. Công ty TNHH MTV G đã cắt điện toàn bộ khu vực sản xuất để tiến hành khắc phục tạm thời. Đồng thời lập tức liên hệ Công ty TNHH S1 cử người đại diện có mặt tại dự án để xử lý và khắc phục nhằm tránh phát sinh thêm thiệt hại nhưng phía Công ty TNHH S1 vẫn không có mặt để xử lý mặc dù Công ty TNHH MTV G đã liên hệ qua điện thoại rất nhiều lần.

Đến ngày 13 tháng 7 năm 2023, ông Nguyễn Văn Đ1 đại diện cho Công ty TNHH S1 đến làm việc (hai bên có tiến hành lập biên bản) và cam kết sẽ kiểm tra, khắc phục trong vòng 10 ngày nhằm tránh xảy ra thiệt hại cho Công ty TNHH

MTV G nhưng vẫn không thực hiện theo đúng lời hứa được ghi trong biên bản làm việc.

Trước tình hình nêu trên, Công ty TNHH MTV G đã tạm ứng kinh phí để khắc phục sửa chữa nhằm đưa dự án vào hoạt động, hạn chế những thiệt hại do sự cố chập điện gây ra. Đồng thời, phía Công ty TNHH MTV G tiếp tục liên hệ Công ty TNHH S1 nhanh chóng khắc phục, cử cán bộ kỹ thuật xuống kiểm tra và đưa ra mức đền bù thiệt hại nhưng đến nay vẫn không trả lời và chưa thực hiện.

Nay Công ty TNHH MTV G yêu cầu Công ty TNHH S1 đền bù thiệt hại như sau:

- Chi phí thiệt hại sản lượng điện: 1.002.239.688 đồng.
- Chi phí mua và thay thế: Dây CXV300mm² (0.6/1kW) - Cadivi và dây H1Z2Z2-K-6mm² - 1.5kV DC - Cadivi: 210.197.799 đồng.
- Chi phí nhân công: 50.000.000 đồng.

Tổng số tiền phải đền bù là: 1.262.437.487 đồng và đồng thời phải trả lãi theo quy định từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 cho đến khi trả hết số tiền đền bù trên.

Đối với Công ty TNHH S1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH S1 cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, việc hòa giải không tiến hành được do bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ và không đề nghị triệu tập thêm người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như quan điểm về nội dung giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH S1 bồi thường cho Công ty TNHH MTV T1 tổng số tiền 387.984.556 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong số tiền đền bù.

Buộc Công ty TNHH S1 bồi thường cho Công ty TNHH MTV G tổng số

tiền 1.262.437.487 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong số tiền đền bù.

Về án phí: Buộc Công ty TNHH S1 phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp bồi thường thiệt hại”. Cả Công ty TNHH MTV T1, Công ty TNHH MTV G và Công ty TNHH S1 đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận. Hợp đồng được thực hiện tại cơ sở sản xuất của Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G ở Khu công nghiệp L thuộc xã L, thành phố T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh sự cố gây thiệt hại cho 02 công ty này. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G có quyền khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại và Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa Công ty TNHH S1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng mua bán số 173/NT-MTX/HĐMB-2020 ngày 10 tháng 11 năm 2020 ký kết với Công ty TNHH MTV T1 và Hợp đồng mua bán số 172/NT-MTX/HĐMB-2020 ngày 26 tháng 10 năm 2020 ký kết với Công ty TNHH MTV G - Cầu kiện bê tông Nguyễn T thì Công ty TNHH S1 thực hiện việc cung cấp, lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời (H lưới 1.250 KWP, 3 P) cho Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G. Cả hai dự án đã được Công ty Đ2 nghiệm thu, cài đặt công tơ hai chiều và ký hợp đồng bán điện mặt trời mái nhà. Đến ngày 16 tháng 5 năm 2023 xảy ra sự cố chập điện tại 02 dự án nêu trên dẫn đến hư hỏng 05 biến tần SUNGROW SG110CX, dây cáp, máng cáp... và các phụ kiện. Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G đã tiến hành khắc phục tạm thời và liên hệ Công ty TNHH S1 để khắc phục. Đến ngày 13 tháng 7 năm 2023, ông Nguyễn Văn Đ1 đại diện cho Công ty TNHH S1 đến làm việc và cam kết sẽ kiểm tra, khắc phục trong vòng 10 ngày nhằm tránh xảy ra thiệt hại cho Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G. Các bên có lập biên bản ghi nhận nội dung làm việc nhưng sau đó Công ty TNHH S1 vẫn không thực hiện theo đúng lời hứa được ghi trong biên bản làm việc. Để đảm bảo cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty TNHH MTV T1 - VT và Công ty TNHH MTV G đã tự tiến hành khắc phục thiệt hại.

[4] Đối với Công ty TNHH S1 khi giao kết hợp đồng với Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G ghi trụ sở tại A đường số E, Khu dân cư N,

phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Căn cứ công văn số: 3252/ĐKKD ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố C thì ngày 03 tháng 12 năm 2021, Công ty TNHH S1 đã thay đổi trụ sở đến Số A T, Khu dân cư H, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. Đến thời điểm hiện tại, doanh nghiệp chưa đăng ký thay đổi các nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc giải thể tại Phòng Đăng ký kinh doanh. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng đến địa chỉ mới của Công ty TNHH S1. Tuy nhiên địa chỉ này thực tế cũng không phải là trụ sở của Công ty TNHH S1. Như vậy, việc Công ty TNHH S1 thay đổi địa chỉ nhưng không thông báo cho Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G là nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại như đã cam kết.

[5] Căn cứ khoản 4.3 Điều 4 của hợp đồng ký kết với Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G đều có quy định “*Khi phát sinh sự kiện bảo hành, bên B phải tiến hành thực hiện bảo hành và hoàn tất việc sửa chữa trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo (bằng văn bản/email/điện thoại). Trường hợp phải đưa sản phẩm đi nơi khác để sửa chữa hoặc thời gian chờ sửa chữa dài hơn 02 ngày thì bên B phải thay thế tạm thời thiết bị tương tự đảm bảo cho hệ thống tiếp tục hoạt động cho tới khi thực hiện xong việc bảo hành. Bên B đền bù các thiệt hại phát sinh cho bên A nếu không thực hiện đúng thời gian bảo hành hoặc không thay thế tạm thời thiết bị*”. Căn cứ nội dung biên bản làm việc ngày 13 tháng 7 năm 2023 thì ý kiến của bên B là “*Ghi nhận ý kiến của bên A và cam kết cử kỹ thuật xuống hiện trường để kiểm tra và tìm ra nguyên nhân dẫn đến sự cố cháy*”. Các bên kết luận “*Hai bên thống nhất nội dung nêu trên, sau khi tìm hiểu nguyên nhân hai bên sẽ bàn bạc, khắc phục (chi phí thay thế dây DC, phụ kiện, nhân công, dây AC). Bên B tiến hành tháo dỡ 05 Inverter hư hỏng để bảo hành, sửa chữa hoặc thay thế*”. Tuy nhiên, sau buổi làm việc Công ty TNHH S1 không thực hiện việc khắc phục. Do đó Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G đã tự tiến hành khắc phục. Do Công ty TNHH S1 là bên có nghĩa vụ thực hiện bảo hành nhưng không thực hiện nên Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G có quyền tự mình thực hiện hoặc giao người khác thực hiện công việc đó và yêu cầu Công ty TNHH S1 thanh toán chi phí hợp lý, bồi thường thiệt hại. Căn cứ quy định tại Điều 302; Điều 303; Điều 304 của Luật Thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 358; Điều 360; Điều 361 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G yêu cầu Công ty TNHH S1 bồi thường thiệt hại là có cơ sở để chấp nhận.

[6] Tổng thiệt hại Công ty TNHH MTV T1 được tính toán là 387.984.556 đồng, bao gồm: Chi phí thiệt hại sản lượng điện là 27.786.757 đồng; 01 biến tần SUNGROW SG110CX tương đương 100.000.000 đồng; chi phí mua và thay thế: Dây CXV300mm² (0.6/1kW) - Cadivi và dây H1Z2Z2-K-6mm² - 1.5kV DC - Cadivi là 210.197.799 đồng; chi phí nhân công là 50.000.000 đồng. Tổng thiệt hại TNHH G được tính toán là 1.262.437.487 đồng, bao gồm: Chi phí thiệt hại sản lượng điện là 1.002.239.688 đồng; chi phí mua và thay thế: Dây CXV300mm² (0.6/1kW) - Cadivi và dây H1Z2Z2-K-6mm² - 1.5kV DC - Cadivi là 210.197.799 đồng; chi phí nhân công: 50.000.000 đồng.

[7] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với chi phí thiệt hại sản lượng điện Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G căn cứ vào số trung bình giữa tổng thu tiền điện cả năm 2021, tổng thu tiền điện cả năm 2022 và 11 tháng của năm 2023, sau đó chia ra sản lượng điện trung bình hàng tháng. Phía Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G có nộp các hóa đơn, chứng từ chứng minh sản lượng điện đã bán cho Công ty Đ2 trong khoảng thời gian nêu trên. Do sự cố xảy ra làm cho Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G không thực hiện được việc sản xuất nên Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G yêu cầu Công ty TNHH S1 bồi thường thiệt hại về sản lượng điện là có cơ sở để chấp nhận.

[8] Đối với chi phí mua và thay thế: Dây CXV300mm² (0.6/1kW) - Cadivi và dây H1Z2Z2-K-6mm² - 1.5kV DC - Cadivi; biến tần SUNGROW SG110CX, và Công ty TNHH MTV G cũng đã nộp đầy đủ hóa đơn, chứng từ chứng minh cho việc thay thế, sửa chữa nên yêu cầu của Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G đối với chi phí mua, thay thế các thiết bị này là có cơ sở để chấp nhận.

[9] Đối với chi phí nhân công: Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G mỗi công ty yêu cầu Công ty TNHH S1 bồi thường 50.000.000 đồng. Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G nộp chung các hóa đơn, chứng từ với tổng số tiền là 145.000.000 đồng. Nguyên nhân chi phí nhân công được trả chung là do Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G đều do ông Nguyễn Văn T làm chủ sở hữu. Tuy số tiền chi trả cho nhân công theo hóa đơn là 145.000.000 đồng là nhưng do Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G mỗi công ty chỉ yêu cầu Công ty TNHH S1 bồi thường 50.000.000 đồng. Tổng cộng là 100.000.000 đồng. Do đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Như vậy, tổng số tiền Công ty TNHH S1 phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV T1 là 387.984.556 đồng. Tổng số tiền Công ty TNHH S1 phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV G là 1.262.437.487 đồng.

[11] Về tiền lãi: Căn cứ hợp đồng đã ký kết giữa Công ty TNHH MTV T1; Công ty TNHH MTV G với Công ty TNHH S1 thì các bên không có thỏa thuận về tiền lãi chậm trả khi chậm thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên, do Công ty TNHH S1 vi phạm nghĩa vụ bồi thường thiệt hại nên Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G có quyền yêu cầu Công ty TNHH S1 trả tiền lãi chậm trả. Căn cứ quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại 2005, Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì mức lãi suất áp dụng trong trường hợp này là mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần N, Ngân hàng thương mại cổ phần C, Ngân hàng N1...) có trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch tại tỉnh nơi Tòa án đang giải

quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Căn cứ Công văn trả lời của Ngân hàng thương mại cổ phần N, Ngân hàng thương mại cổ phần C, Ngân hàng N1 có chi nhánh tại tỉnh Trà Vinh thì lãi suất quá hạn áp dụng đối với khách hàng là doanh nghiệp đối với khoản vay trung và dài hạn như sau:

- Ngân hàng thương mại cổ phần N - Chi nhánh T2: 15,75%/năm ($150\% \times 10,5\%/năm$).

- Ngân hàng thương mại cổ phần C - Chi nhánh T2: 18,75 %/năm ($150\% \times 12,5\%/năm$).

- Ngân hàng N1 - Chi nhánh T2: 11,25%/năm ($150\% \times 7,5\%/năm$).

Như vậy, lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng trên là 15,25%/năm (tương đương 1,27%/tháng).

[12] Tổng cộng tiền lãi Công ty TNHH S1 phải trả cho Công ty TNHH MTV T1 là:

$387.984.556 \text{ đồng} \times 1,27\%/tháng \times 07 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 36.955.528 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền gốc và lãi Công ty TNHH S1 phải trả cho Công ty TNHH MTV T1 là :

$387.984.556 \text{ đồng} + 36.955.528 \text{ đồng} = 424.940.084 \text{ đồng}.$

[13] Tổng cộng tiền lãi Công ty TNHH S1 phải trả cho Công ty TNHH MTV G là:

$1.262.437.487 \text{ đồng} \times 1,27\%/tháng \times 07 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 120.247.170 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền gốc và lãi Công ty TNHH S1 phải trả cho Công ty TNHH MTV G là:

$1.262.437.487 \text{ đồng} + 120.247.170 \text{ đồng} = 1.382.684.657 \text{ đồng}.$

[14] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[15] Về án phí: Tổng số tiền gốc và lãi Công ty TNHH S1 phải trả cho Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G là 1.807.624.741 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì Công ty TNHH S1 phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền là 66.228.742 đồng.

[16] Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 302; Điều 303; Điều 304; Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 358; Điều 360; Điều 361 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV T1 và Công ty TNHH MTV G.

Buộc Công ty TNHH S1 bồi thường cho Công ty TNHH MTV T1 số tiền 424.940.084 đồng (Trong đó tiền gốc là 387.984.556 đồng, tiền lãi là 36.955.528).

Buộc Công ty TNHH S1 bồi thường cho Công ty TNHH MTV G số tiền 1.382.684.657 đồng (Trong đó tiền gốc là 1.262.437.487 đồng, tiền lãi là 120.247.170 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc Công ty TNHH S1 phải chịu 66.228.742 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV T1 số tiền 9.699.600 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0000157 ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV G số tiền 24.936.500 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0000158 ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- Dương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Khoa